TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 180/2022/DS-PT
Ngày: 14 - 9 - 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhung.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hạnh Vân và bà Đinh Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Huế. - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 14/9/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2022/TLPT-DS ngày 21/6/2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Do bản án dân sự sơ thẩm số 30/2022/DS-ST ngày 26/4/2022 của Toà án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 149/2022/QĐPT-DS ngày 27/7/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị Tuyết S.

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn E, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Lê Ng- sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Buôn H 2, xã Ea H, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Diệu H- sinh năm 1968 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã Ea , huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Số 29-31 Phạm Ngọc T, phường Đống Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Phạm Hoài Q- Luật sư Công ty Luật Trách nhiệm hữa hạn Sài Gòn.20- Đoàn luật sư tỉnh Đắk Nông (có mặt).

Địa chỉ: Nguyễn Công Tr, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Lê Thị Diệu H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và quá trình làm việc nguyên đơn bà Trương Thị Tuyết S, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Lê Ng trình bày:

Nguyên đơn bà Trương Thị Tuyết S nhiều lần cho bị đơn bà Lê Thị Diệu H vay tiền, cụ thể: Ngày 25/01/2021 bà S cho bà H vay số tiền 45.000.000 đồng, thời hạn vay 90 ngày; Ngày 13/02/2021 bà S cho bà H vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 90 ngày; Ngày 10/5/2021 bà S cho bà H vay số tiền 153.000.000 đồng, thời hạn vay 20 ngày; Ngày 24/5/2021 bà S cho bà H vay số tiền 800.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 04/6/2021. Tổng cộng bà S đã cho bà H vay số tiền 1.048.000.000 đồng. Khi cho vay hai bên có lập hợp đồng vay mượn tiền nhưng không qua công chứng, chứng thực, bà S cũng chỉ cho cá nhân bà H vay tiền. Hợp đồng vay tiền không thỏa thuận lãi suất. Khi đến hạn trả nợ bà S đã nhiều lần yêu cầu bà H trả nợ số tiền đã vay nhưng bà H không thực hiện mà cứ hứa hẹn, cố tình kéo dài thời gian trả nợ. Vì vậy, bà S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị Diệu H phải trả cho bà S số tiền nợ gốc là 1.048.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, ngày 25/3/2021 bà S cho bà H vay số tiền 36.000.000 đồng; ngày 02/4/2021 bà S cho bà H vay số tiền 300.000.000 đồng; ngày 24/5/2021 bà S cho bà H vay số tiền 70.000.000 đồng. Đối với khoản vay ngày 02/4/2021 và ngày 24/5/2021 bà H đã chuyển khoản trả cho bà S nên bà S không khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình làm việc bị đơn bà Lê Thị Diệu H, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Phạm Hoài Q trình bày:

Bà Lê Thị Diệu H và bà Trương Thị Tuyết S có mối quan hệ quen biết nhau nên từ năm 2020 đến năm 2021 bà H đã nhiều lần vay tiền của bà S. Tuy nhiên, các khoản vay của năm 2020 bà H đã thanh toán đầy đủ cho bà S và bà S đã gạch sổ không còn nợ nữa. Trong năm 2021 bà H cũng nhiều lần vay tiền của bà S với tổng số tiền vay là 1.454.000.000 đồng, cụ thể:

Ngày 25/01/2021 vay số tiền 45.000.000 đồng; Ngày 13/02/2021 vay số tiền 50.000.000 đồng; Ngày 10/5/2021 vay số tiền 153.000.000 đồng; Ngày 24/5/2021 vay số tiền 800.000.000 đồng; Ngày 02/4/2021 vay số tiền 300.000.000 đồng; Ngày 25/3/2021 vay số tiền 36.000.000 đồng; Ngày 24/5/2021 vay số tiền 70.000.000 đồng qua chuyển khoản.

Quá trình thực hiện các hợp đồng vay bà H đã chuyển khoản trả cho bà S số tiền 70.000.000 đồng vay ngày 24/5/2021, không liên quan đến các hóa đơn chứng từ bà H đã cung cấp cho Tòa án. Đối với số tiền 36.000.000 đồng vay ngày 25/3/2021 bà H đã trả bằng tiền mặt nhưng bà S có gạch sổ hay không bà H không biết. Đối với số tiền 300.000.000 đồng vay ngày 02/4/2021 bà H đã trả bằng tiền mặt cho bà S và bà S cũng đã gạch sổ, không còn nợ nữa.

Đối với các khoản vay còn lại mà bà S khởi kiện với tổng số tiền vay 1.048.000.000 đồng thì bà H đã nhiều lần thanh toán các khoản vay này, thông qua việc chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng số 5207205041627 và tài khoản số 5207205186410 của bà S; tài khoản số 5207205170949 của bà Trương Thị Tuyết S, là em gái bà S1, tất cả các tài khoản này đều được mở tại Ngân hàng Nông nghiệp

và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Ea H'leo. Tổng số tiền bà H đã chuyển trả cho bà S là 794.000.000 đồng (có các hóa đơn chứng từ bà H đã cung cấp cho Tòa án), hiện nay bà H thừa nhận còn nợ bà S số tiền 254.000.000 đồng, bà H đồng ý trả cho bà S số tiền còn nợ là 254.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai và trong quá trình làm việc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Tuyết S1 trình bày:

Bà là em gái của bà Trương Thị Tuyết S vào năm 2021 bà có nhiều lần sử dụng tài khoản ngân hàng số 5207205170949 của mình, mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Ea H'leo để nhận tiền do bà H chuyển cho chị gái là bà S. Tuy nhiên, việc nhận tiền này bà chỉ nhận dùm chị gái, bà không biết cụ thể các khoản tiền này được chuyển trả cho khoản vay nào giữa bà S và bà H. Bà S1 cũng không biết, không liên quan gì đến việc vay mượn tiền giữa bà S và bà H, bà S1 đã chuyển toàn bộ số tiền nhận dùm cho bà S. Vì vậy, bà S1 không liên quan gì tới việc khởi kiện giữa bà S và bà H, bà S1 đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại bản án số 30/2022/DS-ST ngày 26/4/2022 của Toà án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng các Điều 26, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 119, 463, 466, khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội.

Tuyên xử: *Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà Trương Thị Tuyết S. Bà Lê Thị Diệu H có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị Tuyết S số tiền nợ gốc là 800.000.000 đồng và 71.280.000 đồng lãi suất.*

Kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2022, bà Lê Thị Diệu H có nghĩa vụ phải tiếp tục chịu lãi suất 10%/năm đối với khoản nợ gốc 800.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí giám định chữ ký, chữ viết; án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 08/5/2022, bị đơn bà Lê Thị Diệu H kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm.

Ngày 23/8/2022 người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cung cấp các tài liệu, chứng cứ mới gồm: 02 Giấy báo nợ ngày 22/5/2021 và ngày 16/6/2021 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Buôn Hồ - PGD Ea H'leo, tên tài khoản Đặng Văn L; 01 Giấy báo có ngày 17/6/2021, của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Buôn Hồ - PGD Ea H'leo, tên tài khoản Đặng Văn L; 03 Sao kê tài khoản khách hàng, tên tài khoản Đặng Văn L ngày 17/6/2021, ngày 22/5/2021, ngày 16/6/2021.

Đối với các tài liệu, chứng cứ bà H cung cấp tại Tòa án cấp phúc thẩm nguyên đơn bà S có ý kiến như sau: Bà S thừa nhận có nhờ bà S1 là em gái nhận dùm hai khoản tiền do ông Đặng Văn L chuyển khoản vào ngày 22/5/2021 và ngày 16/6/2021, tuy nhiên đối với khoản tiền 6.000.000 đồng ngày 22/5/2021 là bà H chuyển tiền trả lãi cho các khoản vay trước đây như bà S đã trình bày tại Tòa án cấp

sơ thẩm. Số tiền 70.000.000 đồng ngày 16/6/2021 là tiền bà S vay của bà H và ngay ngày hôm sau 17/6/2021 bà S đã chuyển trả lại số tiền 70.280.000 đồng này cho bà H thông qua tài khoản của ông L theo như các giấy báo nợ và sao kê tài khoản do bà H cung cấp. Vì vậy, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cung cấp các tài liệu, chứng cứ mới Tòa án đã tiến hành triệu tập ông Đặng Văn L tham gia tố tụng, tuy nhiên ông L từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án và cho rằng ông không liên quan đến vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Lê Thị Diệu H là ông Phạm Hoài Q trình bày: Năm 2021 bà H vay của bà Sương tổng số tiền 1.454.000.000 đồng, bà H đã trả được 1.200.000.000 đồng, thể hiện tại giấy chuyển khoản tiền cho bà S1 (em bà S) 158.792.300đ, chuyển vào tài khoản ông Kpă L 216.946.100 đồng chuyển vào tài khoản cho bà S 418.184.600 đồng và trả trực tiếp cho bà S 406.230.000 đồng còn bà S có gạch sổ hay không thì không biết. Như vậy, bà H chỉ còn nợ lại bà S 254.000.000đ nên bà H chỉ chấp nhận trả 254.000.000đ và lãi suất theo quy định.

Bà Trương Thị Tuyết S không đồng ý với ý kiến trình bày của bị đơn. Đề nghị HĐXX căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ các đương sự đã cung cấp đề có phán quyết đúng quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận các khoản vay trong năm 2021 là 1.454.000.000 đồng. Bị đơn bà H cho rằng đã trả nợ 1.200.000.000 đồng, còn nợ 254.000.000 đồng và cung cấp các giấy chuyển tiền vào tài khoản của bà S1, ông L, ông KPă L. Tuy nhiên, bà S chỉ thừa nhận các khoản tiền chuyển vào tài khoản của bà S1, bà S là 497.000.000. Bà S không thừa nhận các khoản tiền chuyển trả vào tài khoản của ông KPă L, bà H cũng không cung cấp chứng cứ về việc ông KPă L và bà S có mối quan hệ gì và có thỏa thuận ông KPă L nhận nợ thay cho bà S. Do vậy, không có căn cứ xác định bà H đã trả nợ cho bà S 1.200.000.000 đồng. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn được nộp trong thời hạn luật định và bị đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận từ năm 2020 đến năm 2021 nguyên đơn bà S đã nhiều lần cho bị đơn bà H vay tiền. Đối với các khoản vay năm 2020 hai bên xác định đã thanh toán xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.1. Về số tiền vay:

Ngày 25/01/2021 bà S cho bà H vay số tiền 45.000.000 đồng, thời hạn vay 90 ngày; Ngày 13/02/2021 bà S cho bà H vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 90 ngày; Ngày 10/5/2021 bà S cho bà H vay số tiền 153.000.000 đồng, thời hạn vay 20 ngày; Ngày 24/5/2021 bà S cho bà H vay số tiền 800.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 04/6/2021; Ngày 25/3/2021 bà S cho bà H vay số tiền 36.000.000 đồng; Ngày 02/4/2021 bà S cho bà H vay số tiền 300.000.000 đồng; Ngày 24/5/2021 bà S cho bà H vay số tiền 70.000.000 đồng qua chuyển khoản.

- Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận tổng số tiền vay trong năm 2021 là 1.454.000.000 đồng và khoản vay 70.000.000 đồng ngày 24/5/2021 (cho vay bằng hình thức chuyển khoản) đã được thanh toán xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với khoản vay 36.000.000 đồng ngày 25/3/2021 bà H cho rằng bà đã trả bằng tiền mặt nhưng bà S có gạch sổ hay không bà H không biết. Và khoản vay này bà S không khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết đối với khoản vay này.

- Đối với khoản vay 300.000.000 đồng ngày 02/4/2021 bà H cho rằng bà đã trả bằng tiền mặt cho bà S và bà S cũng đã gạch sổ, khoản vay không còn. Tuy nhiên, bà S cho rằng bà H thanh toán khoản vay bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của bà S ngày 14/7/2021 số tiền 400.000.000 đồng. Bà đã khấu trừ số tiền 300.000.000 đồng vào khoản vay ngày 02/4/2021 của bà H và đã gạch sổ đối với khoản vay này. Số tiền 100.000.000 đồng còn lại được khấu trừ vào số nợ gốc đã vay còn lại. Bà H không có chứng cứ chứng minh việc thanh toán khoản nợ trên bằng tiền mặt, mặt khác bản sao kê chi tiết giao dịch do bà H cung cấp cho Tòa án thể hiện ngày 14/7/2021 bà H có chuyển số tiền 400.000.000 đồng vào tài khoản của bà S, không thể hiện nội dung chuyển tiền thanh toán đối với khoản vay nào, điều này là phù hợp với lời trình bày của bà S. Như vậy, hai bên đều thừa nhận đối với khoản vay 300.000.000 đồng ngày 02/4/2021 đã được thanh toán xong, hợp đồng vay mượn tiền ngày 02/4/2021 số tiền 300.000.000 đồng đã được các bên gạch sổ, khoản vay không còn, bà S cũng không khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Đối với các khoản vay còn lại gồm: Ngày 25/01/2021 vay số tiền 45.000.000 đồng; ngày 13/02/2021 vay số tiền 50.000.000 đồng; ngày 10/5/2021 vay số tiền 153.000.000 đồng; ngày 24/5/2021 vay số tiền 800.000.000 đồng. Tổng cộng là 1.048.000.000 đồng. Bà S cho rằng bà H chưa thanh toán các khoản vay trên cho bà S, nhưng bà S thừa nhận bà H đã chuyển khoản trả 400.000.000 đồng ngày 14/7/2021, trong đó có 300.000.000 đồng để trả cho khoản vay ngày 02/4/2021 còn lại 100.000.000 đồng được khấu trừ vào số nợ gốc đã vay còn lại và số tiền 6.000.000 đồng bà H trả tiền lãi cho các khoản vay khác.

2.2. Về số tiền vay đã trả:

Trong quá trình giải quyết vụ án bà H đã cung cấp cho Tòa án các sao kê chi tiết giao dịch, cụ thể:

- Ngày 26/6/2021 bà H chuyển 26.000.000 đồng; Ngày 12/6/2021 bà H chuyển 26.000.000 đồng; Ngày 11/6/2021 bà H chuyển 5.300.000 đồng; Ngày 10/6/2021 bà H chuyển 24.000.000 đồng; Ngày 03/6/2021 bà H chuyển 5.992.300 đồng; Ngày 12/7/2021 bà H chuyển 26.000.000 đồng; Ngày 10/7/2021 bà H chuyển 29.500.000 đồng; Ngày 02/7/2021 bà H chuyển 16.000.000 đồng;

Các khoản tiền trên được bà H chuyển vào tài khoản ngân hàng số 5207205170949 của bà Trương Thị Tuyết S1, là em gái bà S, mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Ea H. Bà S1 cũng thừa nhận bà H đã chuyển tổng số tiền 158.792.300 đồng vào tài khoản của mình, tất cả số tiền bà H đã chuyển, bà S1 chỉ nhận dùm chị gái là bà Trương Thị Tuyết S, bà S1 đã giao toàn bộ số tiền đã nhận cho bà S, bà S1 không biết, không liên quan đến số tiền trên. Những việc khác giữa bà H và bà S thì bà S1 không liên quan, cũng không có ý kiến gì.

- Ngày 12/5/2021 bà H chuyển 6.992.300 đồng; Ngày 06/5/2021 bà H chuyển 209.953.800 đồng;

Các khoản tiền trên được bà H chuyển vào tài khoản ngân hàng số 5207205186410 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Ea H. Bà H cho rằng đây là tài khoản của bà S, nhưng theo Báo cáo về việc cung cấp thông tin, tài liệu của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Ea H cho biết số tài khoản 5207205186410 của khách hàng Kpă L, địa chỉ: Buôn K, xã Ea So, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk, hiện tại tài khoản khách hàng đã đóng không giao dịch nữa. Mặt khác, trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm ông Kpă L xác định: Ông có quen biết với bà H, trước đây ông có cho bà H vay mượn tiền nhưng số tiền cụ thể và thời gian cho vay thì ông không nhớ. Ông biết bà Trương Thị Tuyết S do bà S cũng đến nhà bà H đòi nợ, nhưng giữa ông và bà S không có việc vay mượn tiền gì cả. Đối với tài khoản 5207205186410 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Ea H là của ông, trước đây ông có dùng tài khoản này nhưng sau đó đã đổi thẻ mới không còn sử dụng nữa. Việc ngày 06/5/2021 và ngày 12/5/2021 bà H chuyển tổng số tiền 216.946.100 đồng vào tài khoản của ông thì ông không biết, cũng không nhớ, ông L không vay tiền của bà H chỉ có bà H vay tiền của ông, ông cũng không nhận tiền thay cho bà Trương Thị Tuyết S. Như vậy, đối với số tiền 216.946.100 đồng bà H chuyển vào tài khoản ngân hàng số 5207205186410 không có căn cứ xác định để trả cho các khoản vay của bà S trong năm 2021.

- Ngày 24/3/2021 bà H chuyển 8.192.300 đồng; Ngày 13/3/2021 bà H chuyển 9.992.300 đồng; Ngày 14/7/2021 bà H chuyển 400.000.000 đồng;

Các khoản tiền trên được bà H chuyển vào tài khoản ngân hàng số 5207205041627 của bà Trương Thị Tuyết S, mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Ea H, tổng số tiền đã chuyển là 418.184.600 đồng. Trong đó, khoản tiền 400.000.000 đồng chuyển ngày 14/7/2021 đã được khấu trừ vào khoản vay 300.000.000 đồng ngày 02/4/2021, số tiền còn lại 100.000.000 đồng được khấu trừ vào các khoản vay còn lại.

Xét lời trình bày và tài liệu, chứng cứ do các bên đương sự cung cấp xác định ngày 25/01/2021, ngày 13/02/2021, ngày 10/5/2021, ngày 24/5/2021 bà Lê Thị Diệu H có vay của bà Trương Thị Tuyết S tổng số tiền 1.048.000.000 đồng. Việc vay tiền là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật. Và bà H đã thanh toán cho bà S thông qua việc chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của bà S và bà S1 (em gái bà S) tổng số tiền 276.976.900 đồng. Như vậy, tổng số tiền nợ gốc bà H còn nợ bà S là: 1.048.000.000 đồng – 276.976.900 đồng = 771.023.100 đồng.

[3] Về lãi suất: Theo các hợp đồng vay mượn tiền thì các bên không ghi nhận lãi suất phải trả. Bà S yêu cầu Tòa án tính lãi suất theo quy định của pháp luật, theo quy định lãi suất được tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ, tuy nhiên đối với số tiền đã thanh toán hai bên không xác định được thanh toán cụ thể cho khoản tiền vay nào. Vì vậy, cần xác định ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo khoản vay gần nhất là khoản vay ngày 24/5/2021 số tiền 800.000.000 đồng, hẹn trả vào ngày 04/6/2021. Do đó, cần áp dụng khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất theo mức 10%/ năm từ ngày 05/6/2021 (ngày vi phạm nghĩa vụ) đến ngày 26/4/2022 (ngày xét xử sơ thẩm) là 10 tháng 21 ngày.

771.023.100 đồng x 10%/năm x 10 tháng 21 ngày = 68.749.560 đồng (làm tròn).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[4] Đối với các tài liệu, chứng cứ mới do người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Phạm Hoài Q cung cấp tại Tòa án cấp phúc thẩm, HĐXX xét thấy:

- Đối với giấy báo nợ và sao kê tài khoản của ông Đặng Văn L ngày 22/5/2021 với nội dung "chuyển tiền chị h ea so", số tiền 6.000.000 đồng vào tài khoản của bà Trương Thị Tuyết S1, theo lời trình bày của bà S là để trả lãi cho các khoản vay của bà H. Tại Tòa án cấp sơ thẩm bà S thừa nhận có nhận số tiền 6.000.000 đồng thông qua chuyển khoản từ bà H, bà H cũng xác định có chuyển số tiền 6.000.000 đồng này.

- Đối với giấy báo nợ ngày 16/6/2021 và sao kê tài khoản của ông L thể hiện ông L có chuyển khoản số tiền 70.000.000 đồng của bà H cho bà S, bà S thừa nhận có nhận số tiền này nhưng đây là khoản tiền bà S vay của bà H không liên quan đến các khoản vay mà bà S đang khởi kiện. Mặt khác, theo giấy báo nợ và sao kê tài khoản của ông L thể hiện ông L có nhận số tiền 70.280.000 đồng do bà S chuyển trả vào ngày 17/6/2021. Như vậy, số tiền 70.000.000 đồng được bà H và bà S chuyển cho nhau thông qua tài khoản của ông L đã được thanh toán xong, phù hợp với chứng cứ do bị đơn cung cấp. Nên khoản vay này không còn nữa, Tòa án không xem xét đối với khoản tiền này.

- Việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà Trương Thị Tuyết S. Bà Lê Thị Diệu H có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị Tuyết S số tiền nợ gốc là 800.000.000 đồng và 71.280.000 đồng lãi suất. Kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2022, bà Lê Thị Diệu H có nghĩa vụ phải tiếp tục chịu lãi suất 10%/năm đối với khoản nợ gốc 800.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc là chưa phù hợp với tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của các đương sự có trong hồ sơ

vụ án. Do đó, cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Diệu H, sửa bản án số 30/2022/DS-ST ngày 26/4/2022 của Toà án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.

[5]. Về án phí và chi phí tố tụng: Do sửa án sơ thẩm nên án phí cần tính toán lại cho phù hợp.

[5.1]. Về án phí.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận số tiền 839.772.660 đồng, nên bà Lê Thị Diệu H phải chịu: 36.000.000 đồng + (3% x 39.772.660 đồng) = 37.193.180 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Do một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận số tiền (1.048.000.000 đồng – 771.023.100 đồng = 276.976.900 đồng), nên nguyên đơn bà Trương Thị Tuyết S phải chịu 276.976.900 đồng x 5% = 13.848.845 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị đơn bà Lê Thị Diệu H không phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

[5.2]. Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết:

Quá trình giải quyết vụ án, bà H không thừa nhận bà ký tên trong các giấy vay tiền nên bà S phải yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định. Kết luận giám định của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận chữ ký, chữ viết trong tài liệu cần giám định là của bà H. Do vậy, bà H phải chịu chi phí giám định 6.180.000 đồng. Do bà S đã nộp tạm ứng chi phí này nên bà H có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà S 6.180.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Diệu H. Sửa bản án số 30/2022/DS-ST ngày 26/4/2022 của Toà án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Áp dụng Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[2.1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Tuyết S.

Buộc bà Lê Thị Diệu H có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị Tuyết S tổng số tiền 839.772.660 đồng (Tám trăm ba mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi hai ngàn sáu trăm sáu mươi đồng). Trong đó nợ gốc là 771.023.100 đồng và nợ lãi là 68.749.560 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/4/2022) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[2.2]. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Tuyết S về việc buộc bà Lê Thị Diệu H trả số tiền 276.976.900 đồng nợ gốc.

[3]. Về án phí

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị Diệu H phải chịu 37.193.180 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Trương Thị Tuyết S phải chịu 13.848.845 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 21.720.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Trương Thị Tuyết S đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 60AA/2021/0000354 ngày 02/8/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'leo. Bà Trương Thị Tuyết S được nhận lại số tiền 7.871.155 đồng tạm ứng án phí.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị Diệu H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà Lê Thị Diệu H được nhận lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 60AA/2021/0000886 ngày 17/5/2022.

[4]. Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết:

Bà Lê Thị Diệu H phải chịu 6.180.000 đồng chi phí giám định chữ ký, chữ viết. Do bà Trương Thị Tuyết S đã nộp tạm ứng số tiền này nên bà Hòa phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Sương 6.180.000 đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea H'leo;
- Chi cục THADS huyện Ea H;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhung